

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Ý YÊN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 07 - 10 - 2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH

T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung, ông Vũ Xuân Trúc.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn T Nam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

Ngày 07/10/2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 81/2019/TLST- HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/9/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Đặng Văn T, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn Phương Tảo I, xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình;

Bị đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1982;

Địa chỉ: Thôn N, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định;

Tại phiên tòa: Có mặt anh T, vắng mặt chị L (chị L xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn anh Đặng Văn T trình bày: Anh kết hôn với chị Hoàng Thị L vào ngày 26/12/2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện V, tỉnh Thái Bình; kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Nguyên nhân là do anh, chị thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống bị đảo lộn, anh cảm thấy tình cảm dành cho chị L không còn nữa, cũng không thể níu kéo thêm được. Hiện nay anh chị đang sống ly thân nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L.

Về con chung: Anh và chị L có một con chung là Đặng Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016. Anh đề nghị Toà án giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu Đ trưởng T, tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bản tự khai đề ngày 12/9/2019, bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn phù hợp với lời khai của anh T. Chị xác định sau kết hôn vợ chồng chung sống nhưng không hoà thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau. Từ đầu năm 2019 đến nay chị và anh T sống ly thân chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh T yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn, chị xác định tình cảm giữa chị và anh T không còn nên chị đồng ý ly hôn với anh Đặng Văn T.

Về con chung: Chị và anh T có một con chung là Đặng Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016 hiện nay cháu Đ đang ở cùng chị. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đ. Về vấn đề cấp dưỡng chị đồng ý với mức cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng mà anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đ. Về phương thức cấp dưỡng chị đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị định kỳ một năm một lần vào tháng đầu tiên của năm.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải cho anh, chị nhưng chị L không có mặt. Tại phiên họp anh T có quan điểm không nhất trí về phương thức cấp dưỡng mà chị L đề nghị vì anh chỉ có điều kiện cấp dưỡng hàng tháng, anh T có đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án. Toà án đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho chị L và ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa:

Anh T vẫn giữ nguyên quan điểm về tình cảm đề nghị Toà giải quyết cho anh được ly hôn với chị Hoàng Thị L. Về con chung, anh đồng ý giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 10/2019 cho đến khi cháu Đ trưởng T, tự lập. Phương thức thanh toán: từ tháng 10/2019 - 12/2019 anh T cấp dưỡng nuôi con chung cho chị L với số tiền 4.500.000 đồng, anh T sẽ thanh toán cho chị L vào tháng 12/2019 (dương lịch), kể từ năm 2020, anh T cấp dưỡng nuôi con chung một

năm một lần số tiền 18.000.000 đồng, thanh toán vào tháng một dương lịch hàng năm. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong quan hệ hôn nhân anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị L có đề nghị xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa công bố bản tự khai, đơn của chị L đề nghị Hội đồng xét xử vắng mặt. Vụ án được xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền của Tòa án: Đây là vụ án tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” do nguyên đơn anh Đặng Văn T thực hiện quyền khởi kiện. Bị đơn chị Hoàng Thị L có nơi cư trú tại thôn Nhân Nghĩa, xã Yên Nghĩa, huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên, tỉnh Nam Định.

Về việc vắng mặt của bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án chị L có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 26/12/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Xuân Hoà, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp, tuân thủ đầy đủ quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống nhưng không có hạnh phúc nguyên nhân là do anh chị không tìm được tiếng nói chung, thường xuyên bất đồng quan điểm, hay xảy ra mâu thuẫn, cãi vã khiến cuộc sống luôn căng thẳng, áp lực. Hai bên không có sự hoà hợp và hiện nay đang sống ly thân. Anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không Đ được nên xin ly hôn với chị L. Xét thấy tình cảm của anh T dành cho chị L không còn, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của cuộc hôn nhân giữa hai người không Đ được, mặt khác chị L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần tuyên xử cho anh T được ly hôn với chị L theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh T, chị L xác định anh, chị có một con chung là Đặng Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2019. Anh T, chị L có quan điểm thống nhất giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L

mỗi tháng 1.500.000 đồng kể từ tháng 10/2019 đến khi con chung trưởng T, tự lập nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Về phương thức cấp dưỡng, chị L có đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi cháu Đ cho chị định kỳ một năm một lần vào tháng đầu tiên của năm. Anh T đồng ý với phương thức cấp dưỡng mà chị L đề nghị. Đối với ba tháng 10, 11, 12 của năm 2019 anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng, 03 tháng là 4.500.000 đồng, anh T sẽ nộp tiền này cho chị L vào tháng 12/2019 dương lịch, kể từ năm 2020 trở đi anh T sẽ cấp dưỡng một năm một lần là 18.000.000 đồng anh T sẽ chuyển số tiền này cho chị L vào tháng 1 dương lịch hàng năm. Xét điều kiện thực tế để việc thi hành án thuận lợi, tạo điều kiện tốt nhất để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung phát triển Hội đồng xét xử chấp nhận phương thức cấp dưỡng nêu trên là phù hợp theo quy định tại Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Anh T, chị L không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Anh T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ các Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đặng Văn T và chị Hoàng Thị L.

2. Về con chung: Giao con chung là Đặng Tiến Đ, sinh ngày 19/9/2016 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.500.000 đồng, kể tháng 10/2019 đến khi con chung trưởng T, tự lập. Đối với ba tháng 10, 11, 12 của năm 2019 anh T sẽ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 1.500.000 đồng, 03 tháng là 4.500.000 đồng, anh T sẽ nộp khoản tiền này cho chị L vào tháng 12/2019 dương lịch, kể từ năm 2020 trở đi anh T sẽ cấp dưỡng một năm một lần là 18.000.000 đồng, anh T sẽ chuyển số tiền này cho chị L vào tháng 01 dương lịch hàng năm.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Anh Đặng Văn T phải nộp là 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung, đối trừ với số tiền đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001106, ngày 24/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên, anh T còn phải nộp 300.000 đồng.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự: Anh Đặng Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Hoàng Thị L được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng Đ hợp lệ.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh: 01 bản;
- VKSND Tỉnh+Huyện: 02 bản;
- Chi cục Thi hành án dân sự: 01 bản;
- Các đương sự: 01 bản;
- UBND xã X, huyện V;
- tỉnh Thái Bình: 01 bản;
- Hồ sơ vụ án: 01 bản;
- Lưu VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Vũ Văn Anh